

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2022/HNGĐST**
Ngày 02-6-2022
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đoàn Hồng Sơn**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên**.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích C** – sinh năm 1989

(Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: ấp Ph T, xã M Ph, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thái B** – sinh năm 1981

(Vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do)

Địa chỉ: ấp T H A, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích C trình bày:***

Chị và anh B tự quen nhau đi đến tổ chức cưới vào năm 2011 được UBND xã M Ph, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58/2011, ngày 21/12/2011. Sau khi cưới thì vợ chồng chị sống tại nhà cha mẹ vợ thuộc ấp Ph T, xã M Ph, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang được một thời gian ngắn thì anh B chuyển về làm thuê tại T H cuối tuần anh B mới về sống chung với chị C. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi con tròn 1 tuổi và tổ chức thôi nôi cho con thì anh B lấy tiền bỏ nhà đi, rồi một năm sau anh B quay về xin được đoàn tụ. Sau đó cuối năm 2014 vợ chồng lên B D làm công nhân được khoảng một tháng thì anh B có người phụ nữ khác và quậy lên rồi đập đồ đạc, bỏ đi trong đêm để lại chị C một mình trong phòng trọ. Từ đó đến nay anh B không còn liên lạc gì với mẹ con chị C nữa. Vợ chồng chị C đã ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Phương V – sinh ngày 13/9/2012. Cháu V đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với chị C.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: chị C yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về quan hệ con chung: chị C yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Phương V – sinh ngày 13/9/2012, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh B được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không có lời khai.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích C.

+ *Về quan hệ con chung*: Đề nghị tiếp tục giao cháu Nguyễn Phương V – sinh ngày 13/9/2012 cho chị Nguyễn Thị Bích C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thái B được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị miễn xét.

+ *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Bích C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- ***Về thủ tục tố tụng***: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích C được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Bị đơn anh Nguyễn Thái B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh B vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị C yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thái B.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị Bích C, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Bích C và anh Nguyễn Thái B chung sống với nhau được Ủy ban nhân dân xã M Ph, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2011, quyền số 01/2011, ngày

21/12/2011 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C: Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi con Nguyễn Phương V tròn 1 tuổi và tổ chức thôi nôi cho con thì anh B lấy tiền bỏ nhà đi, rồi một năm sau anh B quay về xin được đoàn tụ. Sau đó cuối năm 2014 vợ chồng lên B D làm công nhân được khoảng một tháng thì anh B có người phụ nữ khác và quậy lên rồi đập đồ đạc, bỏ đi trong đêm để lại chị C một mình trong phòng trọ. Từ đó đến nay anh B không còn liên lạc gì với mẹ con chị C nữa.

Xét thấy: Chị C, anh B chung sống với nhau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 cả hai đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng không thành, từ đó cho thấy vợ chồng chị C, anh B đã phát sinh mâu thuẫn một thời gian khá dài; mặt khác, chị C và anh B đã ly thân từ tháng cuối năm 2014 cho đến nay. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị C yêu cầu được ly hôn với anh B là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu được nuôi con Nguyễn Phương V, sinh ngày 13/9/2012 của chị Nguyễn Thị Bích C.

Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của cháu Nguyễn Phương V – sinh ngày 13/09/2012 là muốn được ở với mẹ là chị C, hiện nay cháu V vẫn đang được chị C nuôi dưỡng và chị C vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu. Do đó, yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích C là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị C không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích C và anh Nguyễn Thái xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con của chị Nguyễn Thị Bích C.

- **Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Bích C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bích C được ly hôn với anh Nguyễn Thái B.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Phương V – sinh ngày 13/9/2012 cho chị Nguyễn Thị Bích C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thái B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thái B được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006092, ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Thái B có quyền kháng cáo trong

hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã Mỹ Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo